

**TÀI LIỆU BỔ SUNG YÊU CẦU ÁP DỤNG CHO CÁC GIAO DỊCH NGOẠI TỆ
(GDNT) THEO NGHỊ ĐỊNH 160/2006/ND-CP**

STT	Loại giao dịch	Tài liệu yêu cầu
A	CHUYỂN NGOẠI TỆ TRONG NƯỚC QUA TÀI KHOẢN VẮNG LAI	
1.	Người cư trú là tổ chức được điều chuyển vốn nội bộ bằng ngoại tệ chuyển khoản giữa đơn vị có tư cách pháp nhân với đơn vị hạch toán phụ thuộc và ngược lại.	Bảng chứng để xác định mối quan hệ giữa một đơn vị có tư cách pháp nhân và đơn vị hạch toán phụ thuộc của mình và ngược lại: <ul style="list-style-type: none"> Giấy phép kinh doanh HOẶC Đơn xin cấp Mã số thuế có xác nhận của Cán bộ thuế (ngày nhận với con dấu và chữ ký của người được ủy quyền) HOẶC Xác nhận của Cục Thuế
2.	Người cư trú/Người không cư trú được góp vốn bằng ngoại tệ để thực hiện dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép đầu tư Điều lệ công ty (nếu cần) hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên Nội dung thanh toán được nêu rõ ràng để đảm bảo số tiền chuyển là nhằm mục đích góp vốn
3.	Người cư trú được nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản theo hợp đồng ủy thác xuất, nhập khẩu.	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng mua bán Hợp đồng ủy thác Hóa đơn thương mại Tờ khai hải quan (nếu rõ 3 bên: Bên mua, bên bán, bên được ủy thác)
4.	Người cư trú là tổ chức kinh doanh dịch vụ bảo hiểm được nhận ngoại tệ chuyển khoản của người mua bảo hiểm đối với các loại hàng hóa và dịch vụ phải mua tái bảo hiểm ở nước ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng bảo hiểm Hóa đơn hoặc giấy báo nợ Hợp đồng tái bảo hiểm với bên nước ngoài có liên quan
5.	Người cư trú, người không cư trú là người nước ngoài được nhận lương, thưởng và phụ cấp bằng ngoại tệ từ người cư trú, người không cư trú là tổ chức.	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng lao động HOẶC Bảng lương có chữ ký xác nhận từ đại diện pháp luật của người sử dụng lao động nêu rõ mức lương hàng tháng (và tiền thưởng/phụ cấp nếu có). Hoặc bản cập nhật của Thỏa ước Lao động tập thể (nếu có) được xác nhận từ Đại diện pháp luật trong đó nêu rõ chi tiết gói phụ cấp
6.	Người không cư trú được chuyển khoản bằng ngoại tệ cho người không cư trú khác hoặc thanh toán cho người cư trú tiền xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ.	<p><u>Trường hợp 1: Giao dịch giữa Người không cư trú và Người không cư trú (cả hai đều là tổ chức nước ngoài hoặc đại sứ quán)</u></p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Không yêu cầu tài liệu bổ sung 2. Nội dung thanh toán được nêu rõ trong lệnh thanh toán <p><u>Trường hợp 2: Giao dịch thanh toán của Người không cư trú cho Người cư trú</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng mua bán Hóa đơn thương mại Tờ khai hải quan (đối với hàng hóa)
7.	Giao dịch thanh toán từ các công ty trong Khu chế xuất	<p><u>Trường hợp 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Giấy phép kinh doanh trong khu chế xuất Hợp đồng liên quan và/hoặc hóa đơn: cho những mục đích sau đây: Thanh toán tiền lương, điện, nước, phí điện thoại, thuê mặt bằng <p><u>Trường hợp 2: Các khoản thanh toán/ khoản nhận cho</u></p>

		<p>mục đích nhập khẩu/xuất khẩu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giấy phép kinh doanh trong khu chế xuất Hợp đồng mua bán hoặc đơn đặt hàng Hóa đơn thương mại Tờ khai hải quan.
8.	<p>Người cư trú là nhà thầu trong nước, nhà thầu nước ngoài được nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản từ chủ đầu tư, nhà thầu chính để thanh toán và chuyển ra nước ngoài;</p> <p>* Nhà đầu tư chính có thể chuyển ngoại tệ cho nhà thầu chính</p> <p>* Nhà thầu chính có thể chuyển ngoại tệ cho nhà thầu phụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép cho việc thực hiện các dự án đặt thầu (cần thiết cho nhà thầu xây dựng) Hợp đồng nhà thầu (nhà thầu phụ) Hóa đơn hoặc giấy báo nợ Chứng nhận của nhà đầu tư về việc hoàn thành toàn bộ hoặc một phần hợp đồng thầu hoặc tài liệu tương đương theo các điều kiện thanh toán được ghi trong hợp đồng. Bảng chứng về nhu cầu thực tế và hợp pháp cho việc chuyển tiền ra nước ngoài (Hợp đồng mua bán)
B CHUYỂN TIỀN RA NƯỚC NGOÀI QUA TÀI KHOẢN VẮNG LẠI		
1.	Thanh toán cho hàng hóa nhập khẩu	<p><u>Trường hợp 1: Thanh toán trước</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng/Đơn đặt hàng Hóa đơn thương mại (nếu có) Thư cam kết về việc sẽ nộp tờ khai hải quan sau khi nhận hàng <p><u>Trường hợp 2: Thanh toán sau khi nhận hàng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng hoặc Đơn đặt hàng hoặc Hóa đơn thương mại Tờ khai hải quan
2.	Thanh toán cho dịch vụ nhập khẩu	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng hoặc Đơn đặt hàng Hóa đơn thương mại
3.	Thanh toán cho hàng hóa xuất hoặc nhập khẩu tại chỗ	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng kinh doanh/Hợp đồng mua bán với thương nhân nước ngoài nếu rõ ràng hàng hóa được giao nhận tại Việt Nam và tên và địa chỉ của doanh nghiệp phụ trách việc giao/nhận. Tờ khai hải quan đối với hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu tại chỗ HQ/2002-TC Hóa đơn thương mại
4.	Thanh toán cho hàng hóa nhập khẩu nhưng không được chuyển vào lãnh thổ Việt Nam (Chuyển khẩu)	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa / Đơn đặt hàng Hợp đồng xuất khẩu hàng hóa Hóa đơn thương mại Vận đơn đường biển để chứng minh việc nhập khẩu hàng hóa Thư cam kết nêu rõ rằng doanh số bán hàng của hàng hóa xuất khẩu trong thời hạn hợp đồng sẽ được chuyển vào tài khoản của Người thanh toán mở tại Ngân hàng .
5.	Đại lý được ủy thác (không phải là người nhập khẩu) thanh toán cho người xuất khẩu và người nhận hàng là người nhập khẩu.	<p><u>Trường hợp 1: Hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng mua bán giữa Đại lý được ủy thác, người nhập khẩu và người xuất khẩu nêu rõ người nhập khẩu là người nhận hàng Hóa đơn Tờ khai hải quan (nêu rõ ba bên) <p><u>Trường hợp 2: Hàng hóa không nhập khẩu vào Việt Nam và Đại lý được ủy thác là người cư trú</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng mua bán giữa Đại lý được ủy thác, người nhập khẩu và người xuất khẩu nêu rõ người nhập khẩu là người nhận hàng Hóa đơn Vận đơn đường biển <p><u>Trường hợp 3: Hàng hóa không nhập khẩu vào Việt Nam và Đại lý được ủy thác là người không cư trú</u></p>



		<ul style="list-style-type: none"> Không yêu cầu tài liệu bổ sung Nội dung thanh toán được nêu rõ ràng trong lệnh thanh toán
6.	Thanh toán phí đăng ký tham dự hội nghị quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> Giấy báo nợ hoặc yêu cầu thanh toán do đơn vị tổ chức phát hành Đơn đăng ký/Thư mời tham dự hội nghị/<u>Quyết định cử cán bộ tham dự hội nghị quốc tế</u>
7.	Thanh toán tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng vào tài khoản của nhân viên người nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng lao động HOẶC văn bản có giá trị pháp lý tương đương
8.	Thanh toán cho Chuyển giao công nghệ/sử dụng bản quyền	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng Chuyển giao Công nghệ hoặc Giấy phép/Hợp đồng về bản quyền và thương hiệu Hóa đơn/Đề nghị thanh toán Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền về chuyển giao công nghệ/sử dụng bản quyền (chỉ áp dụng cho công nghệ/bản quyền bị hạn chế chuyển nhượng)
9.	Chuyển phí, chi phí thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện ở nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép văn phòng đại diện ở nước ngoài cấp bởi Cơ quan cấp phép Việt Nam Giấy phép cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi thành lập văn phòng đại diện Chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) cho mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài trong trường hợp tiền được chuyển vào tài khoản của Văn phòng đại diện ở nước ngoài. Chứng từ liên quan đến chi phí của Văn phòng đại diện (nếu có)
10.	Văn phòng đại diện chuyển cho Trụ sở chính các khoản tiền liên quan đến việc bán/thanh lý tài sản/chuyển số dư còn lại khi đóng cửa văn phòng đại diện	<ul style="list-style-type: none"> Văn bản chấp thuận đóng cửa văn phòng đại diện cấp bởi cơ quan có thẩm quyền Hợp đồng bán hàng (nếu có) Hóa đơn Bộ tài chính (nếu có)
11.	Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của nhà thầu nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép cho việc thực hiện các dự án đặt thầu (đối với nhà thầu xây dựng) Hợp đồng thầu chính/Hợp đồng thầu phụ Chứng nhận của nhà đầu tư về việc hoàn thành toàn bộ hoặc một phần hợp đồng thầu. Tài liệu chứng minh việc quyết toán thuế thích hợp
12.	Chuyển khoản từ ngân hàng của chúng tôi đến ngân hàng khác để thanh toán Thư tín dụng (L/C)	<ul style="list-style-type: none"> Thư tín dụng (LC) Thông báo của Ngân hàng phát hành L/C v/v thanh toán bộ chứng từ Thư cam kết nộp trễ điện MT202 Nộp điện MT202 sau 5 ngày làm việc chứng minh rằng Ngân hàng tiếp nhận đã chuyển tiền đi
13.	Doanh nghiệp là người cư trú trả lãi vay, gốc vay và chi phí liên quan đến khoản cho vay ngắn hạn	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng vay (Bản gốc hoặc Bản sao do nhân viên được ủy quyền của SCB xác nhận sau khi đối chiếu với bản gốc hoặc Bản sao có công chứng) Bảng tính lãi suất Trong trường hợp gốc vay được trả thành từng phần: Lịch trình thanh toán gốc vay hoặc Bản phụ lục của Thỏa thuận vay đã được ký kết hợp lệ hoặc Yêu cầu trả nợ vay sớm. Giấy báo có chứng minh khoản vay đã được giải ngân vào tài khoản của khách hàng hoặc Thông báo vay từ ngân hàng nước ngoài hoặc sao kê tài khoản nêu rõ khoản tiền được chuyển vào từ khoản vay nước ngoài hoặc Bản gốc thư cam kết chưa thanh toán khoản vay (trong trường hợp khoản vay ngắn hạn được ghi có vào một ngân hàng khác)
14.	Giải ngân khoản vay ngắn hạn	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép kinh doanh/Giấy phép đầu tư cấp bởi Cơ

	nước ngoài	<p>quan cấp phép Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng vay ngắn hạn (Bản gốc hoặc Bản sao do nhân viên được ủy quyền của SCB xác nhận sau khi đối chiếu với bản gốc)
C CHUYỂN TIỀN RA NƯỚC NGOÀI QUA TÀI KHOẢN VỐN		
1.	Doanh nghiệp là Người cư trú trả gốc, lãi và những chi phí liên quan đến khoản vay trung/dài hạn từ nước ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng vay với lịch trình thanh toán lãi và gốc vay (Bản gốc hoặc Bản sao do nhân viên được ủy quyền của Ngân hàng xác nhận sau khi đối chiếu với bản gốc hoặc Bản sao công chứng) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho khoản vay trung và dài hạn (>1 năm) Giấy báo có/Bản sao kê tài khoản chứng minh khoản vay đã được giải ngân hoặc Xác nhận từ Ngân hàng người thụ hưởng cho khoản tiền vay đã được nhận.
2.	Giảm vốn điều lệ, vốn đầu tư trực tiếp	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép Kinh doanh/Đầu tư đã được sửa đổi Nghị quyết của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên về việc giảm vốn
3.	Chuyển vốn đầu tư trực tiếp về nước sau khi hoàn thành dự án * Chỉ chuyển trực tiếp cho Trụ sở chính	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định về việc đóng cửa công ty ban hành bởi Cơ quan cấp phép Nghị quyết của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên về việc chấm dứt dự án/công ty Tài liệu chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ thuế
4.	Chuyển lợi nhuận hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép kinh doanh Nghị quyết của Hội đồng Quản trị/Hội đồng thành viên về việc chia sẻ lợi nhuận Báo cáo tài chính đã kiểm toán mới nhất Thông báo về việc chuyển lợi nhuận về nước được đóng dấu nhận bởi Cục Thuế quá 07 ngày hoặc Tờ khai quyết toán thuế năm nêu rõ việc chuyển lợi nhuận về nước được xác nhận có đóng dấu bởi Cục Thuế.
5.	Chuyển nhượng vốn từ nhà đầu tư/cổ đông hiện tại đến người mua nước ngoài mới	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng mua bán cổ phần Giấy phép kinh doanh/Chứng nhận đầu tư đã được sửa đổi /Thông báo thay đổi cổ đông được cấp bởi DPI (Sở Kế hoạch và Đầu tư) (Đối với: Công ty TNHH; Công ty Cổ phần thay đổi Cổ đông sáng lập trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập) Nghị quyết của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên phê duyệt việc mua bán cổ phần Quyết toán thuế nêu rõ giao dịch đã hoàn tất mọi nghĩa vụ về thuế
D NHẬN TIỀN TỪ NƯỚC NGOÀI QUA TÀI KHOẢN VỐN		
1.	Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài: Đóng góp vốn điều lệ	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép đầu tư cấp bởi Cơ quan cấp phép Việt Nam Giấy phép đầu tư đã được sửa đổi nếu có bất cứ sự thay đổi nào liên quan đến số lượng vốn hoặc tên nhà đầu tư.
2.	Giải ngân khoản vay trung/dài hạn (trên 1 năm)	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng vay trung/dài hạn (Bản gốc hoặc Bản sao do nhân viên được ủy quyền của Ngân hàng xác nhận sau khi đối chiếu với bản gốc hoặc bản sao công chứng) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho khoản vay trung/dài hạn (bản gốc phải được xuất trình cho Ngân hàng) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho bất cứ thay đổi nào về Hợp đồng vay
3.	Nhận thu nhập bằng ngoại tệ từ <u>đầu tư trực tiếp ra nước ngoài</u>	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp

	vào tài khoản vốn cho việc đầu tư ra nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép đầu tư cấp bởi Cơ quan cấp phép của quốc gia nơi thực hiện đầu tư Lưu ý: Miễn (1) & (2) nếu các giấy phép đã được lưu trong hồ sơ mở tài khoản vốn ngoại tệ cho mục đích đầu tư ra nước ngoài; Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về lịch trình đóng góp vốn đầu tư ra nước ngoài Quyết toán thuế hoặc chứng nhận tương đương từ cơ quan thuế của quốc gia nơi thực hiện đầu tư. Nhà đầu tư Việt Nam cần chuyển lợi nhuận về Việt Nam trong vòng 6 tháng kể từ ngày quyết toán thuế, trừ khi có phê duyệt khác từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
--	---	---

**TÀI LIỆU BỔ SUNG YÊU CẦU ÁP DỤNG CHO CÁC GIAO DỊCH NỘI TỆ (VND)
THEO NGHỊ ĐỊNH 03/2004/TT-NHNN**

1.	Mua hoặc bán cổ phiếu hiện hành thuộc về cổ đông sáng lập trong vòng 3 năm từ ngày giấy phép thành lập công ty được ban hành.	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng mua/bán Nghị quyết của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên (nếu có) hoặc Chứng nhận cổ phiếu hoặc Chứng nhận chuyển nhượng cổ phiếu chứng thực bởi Công ty hoặc Thư xác nhận số lượng cổ phiếu do Người bán nắm giữ cấp bởi Công ty Bản sao giấy cấp mã giao dịch chứng khoán
----	---	--

Phiên bản 1.0

Ngày phát hành: ngày 04 tháng 09 năm 2012

Văn bản này được ban hành bởi Tập đoàn SC. Mặc dù văn bản này được soạn thảo dựa trên cơ sở cẩn trọng, Tập đoàn SC không chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với bất kỳ sai sót, sơ suất hoặc đối với bất kỳ ý kiến nào được nêu trong văn bản này. Kính đề nghị Quý Khách hàng có những đánh giá độc lập (với sự tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn chuyên nghiệp nếu cần thiết) về những rủi ro và tác động/ hệ quả của những vấn đề được nêu trong văn bản này. Tập đoàn SC không chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng văn bản này và đối với bất kỳ sai sót hoặc sơ suất nào trong nội dung văn bản này. Văn bản này bao gồm những thông tin thuộc sở hữu của Tập đoàn SC và Quý Khách hàng không được cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào nếu không có chấp thuận trước bằng văn bản của Tập đoàn SC. "**Tập đoàn SC**" nghĩa là Ngân hàng Standard Chartered và bất kỳ công ty thành viên, công ty con, công ty liên quan, đơn vị liên kết, văn phòng đại diện và chi nhánh của Ngân hàng tại bất kỳ quốc gia nào.